

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10-9-2019
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi
con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Tấn T

2. Bà Phan Thị H

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Kim Y – Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện
Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hồng S - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện
N, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:
371/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019
và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm
2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Dương Vũ T G**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ 13, ấp P, xã Đ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị C T**, sinh năm 1998

Địa chỉ: A167 tổ 4, ấp P, xã Đ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

(Ông G có mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn ông
Dương Vũ T G trình bày:***

Ông Giang và bà Nguyễn Thị C T chung sống tự nguyện, có đăng ký kết
hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cấp giấy
chứng nhận kết hôn ngày 22/9/2017.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây
phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống, cuộc sống chung
không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông bà sống ly thân đến
nay trên 06 tháng, không bàn bạc đoàn tụ.

Nay ông G cương quyết xin ly hôn bà T vì không còn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch thụ lý và xác định quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn đúng với quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; Về tư cách tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, thời hạn đưa vụ án ra xét xử, nguyên tắc xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho ông Giang được ly hôn bà C T, án phí ông G phải chịu theo luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thẩm vấn, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Nguyên đơn ông Giang nộp đơn đúng trình tự thủ tục, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn bà C T, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp về ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

2/ Về tư cách đương sự:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định: Nguyên đơn là ông Dương Vũ T G; bị đơn bà Nguyễn Thị C T. Bà T đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà T.

3/ Xét yêu cầu khởi kiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Vũ T G và bà Nguyễn Thị C T chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Ông G xin ly hôn bà T là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ theo ông G khai ông bà sống ly thân hơn 06 tháng nay, thời gian ly thân không gặp nhau bàn bạc đoàn tụ. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải, triệu tập nhiều lần nhưng bà T vẫn không đến Tòa hòa giải với ông G. Từ các chứng cứ trên cho thấy bà T không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn, không mong muốn hòa giải đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc với ông G nên cần xét cho ông G được ly hôn bà T là phù hợp quy định pháp luật.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông G khai không có nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Do đó, ông G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 220, 227, 228, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Vũ T G đối với bị đơn bà Nguyễn Thị C T về việc “Ly hôn”.

Tuyên xử:

Cho ông Dương Vũ T G được ly hôn bà Nguyễn Thị C T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông G khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Dương Vũ T G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông G đã nộp theo biên lai thu số 0000677 ngày 21/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N (ông G đã nộp xong).

Báo các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKS, THADS, TAT;
- UBND xã;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy T